

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 72/2021/DS-ST  
Ngày 09 tháng 8 năm 2021  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Y Míp Niê, bà Nguyễn Thị Kim Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Ngọc là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Cát Càng - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST – DS ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam.

Địa chỉ: Số nhà 35, đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Cao T; Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch (Có mặt)

Nơi làm việc: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam chi nhánh Buôn H, Đắk Lắk - Phòng giao dịch Krông N.

Địa chỉ: Số nhà 105, đường N, thị trấn Krông N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

Theo văn bản ủy quyền số 918/BIDV.BH ngày 01 tháng 06 năm 2021.

**Bị đơn:** Bà Lâm Thị B, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Krông N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam (Ngân hàng) cho bà Lâm Thị B (Bà B) vay số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng). Lãi suất: 10,9%/năm và được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất cho vay của BIDV; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2018. Hình thức vay: Có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B chưa trả cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào (Bao gồm cả gốc và lãi). Tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021, bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 272.892.838đ (Gốc: 210.000.000đ, lãi suất trong hạn: 42.769.808đ, lãi suất quá hạn: 19.472.179đ, lãi suất chậm trả đối với lãi: 650.851đ) nhưng không trả do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B trả cho Ngân hàng số tiền 272.892.838đ.

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10695425/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2018 thể hiện nội dung: Ngân hàng cho bà B vay số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng). Lãi suất: 10,9%/năm và được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất cho vay của BIDV; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2018.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; đại diện của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 272.892.838đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 cho đến khi trả xong nợ. Sau khi bị đơn trả đủ số nợ, thì nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn tài sản đã thế chấp. Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Krông N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Mặc dù đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10695425/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2018 thể hiện nội dung: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 210.000.000đ. Lãi suất: 10,9%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2018.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn không có mặt, đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh rằng bị đơn đã trả hết hay một phần số tiền gốc 210.000.000đ và lãi suất phát sinh. Như vậy tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 272.892.838đ (Gốc: 210.000.000đ, lãi suất: 62.892.838đ) nhưng chưa trả, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 272.892.838đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 272.892.838đ.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và bị đơn không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí, vì vậy bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch là 13.644.000đ được tính như sau: (272.892.838đ x 5% = 13.644.000đ).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 385; 398; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam, buộc bà Lâm Thị B trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam số tiền 272.892.838đ (Gốc: 210.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2021: 62.892.838đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10695425/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2018, kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 cho đến khi bà Lâm Thị B trả xong nợ.

Trường hợp bà Lâm Thị B trả xong nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam phải trả lại cho bà Lâm Thị B tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2018/10695425/HĐBĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018.

Trường hợp bà Lâm Thị B vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản mà bà Lâm Thị B đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2018/10695425/HĐBĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- + Bà Lâm Thị B phải nộp 13.644.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
- + Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam số tiền 6.387.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0015201 ngày 04 tháng 02 năm 2021.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Krông Nô;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**ĐỖ VĂN DŨNG**